

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1982; Địa chỉ: Trung đoàn 583, Sư đoàn 350, Q, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Phương, Luật sư - công ty luật TNHH luật Hùng Bách, đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 32 Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Bị đơn: Chị Đinh Thị Tuyết L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 02, nhà công vụ sư đoàn 350, phố P, phường B, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: anh Giang, bà Phương, chị Liễu có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: tôi kết hôn với chị Đinh Thị Tuyết L có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình vào ngày 12/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung, tuy nhiên trong cuộc sống gia đình vợ chồng không hòa thuận đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ tháng 9/2023, chị L đã nhiều lần có hành vi bạo lực, xúc phạm đến

tôi và bố mẹ tôi. Sự việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện và mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong kinh tế, đời sống gia đình và không có tiếng nói chung. Tôi và chị L đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay và không quan tâm gì đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết cho tôi được ly hôn với chị L

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân tôi và chị L có 02 con chung là Phạm Quốc K, sinh ngày 01/11/2015 và Phạm Thị Tường L, sinh ngày 02/7/2021. Hiện nay tôi đang công tác tại đơn vị trung đoàn 583, sư đoàn 350 Q mức thu nhập hiện nay là 25.389.000 đồng. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị giải quyết.

- *Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Đinh Thị Tuyết L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn đúng như anh G trình bày. Nay anh G có đơn xin ly hôn tôi xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: tôi và anh G có 02 con chung như anh G trình bày; hiện nay tôi đang công tác tại Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Ninh Bình, công việc chính làm việc trong giờ hành chính, thu nhập hàng tháng là 17.740.616 đồng; Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi 02 con chung là Phạm Quốc K, sinh ngày 01/11/2015 và Phạm Thị Tường L, sinh ngày 02/7/2021, vì lý do anh G thuộc đơn vị chủ lực sẵn sàng chiến đấu nên không có thời gian chăm sóc con chung. Về cấp dưỡng nuôi con tôi yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: đề nghị HĐXX giao 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 01/11/2015 và cháu Phạm Thị Tường L, sinh ngày 02/7/2021 cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hoàn toàn đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đảm bảo quyền về mọi mặt cũng như sự phát triển tốt nhất cho các con

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm:

- Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn G và chị Đinh Thị Tuyết L.

Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 01/11/2015 và Phạm Thị Tường L, sinh ngày 02/7/2021 cho chị Đinh Thị Tuyết L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh G phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Tường L từ 3.000.000 đ đến 4.000.000 đ mỗi tháng kể từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu L thành niên.

Về án phí: anh G và chị L phải nộp án phí ly hôn, anh G phải nộp tiền án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Đối trừ tiền tạm ứng án phí anh G đã nộp tại Chi Cục THADS thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: anh Phạm Văn G khởi kiện đề nghị giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” với chị Đinh Thị Tuyết L thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị L có nơi cư trú tại phường B, thành phố H, tỉnh Ninh Bình; do đó, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án ngày 01/4/2025, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là thửa đất tại thôn Đông Hội, xã Ninh An, huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình loại đất ở nông thôn diện tích 150 m², do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 175810 ngày 14/5/2021 mang tên Phạm Văn G và Đinh Thị Tuyết L. Ngày 01/4/2025 Tòa án đã ra quyết định số 01/2025/QĐST-HNGĐ đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự đối với yêu cầu “Chia tài sản chung khi ly hôn” là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn G và chị Đinh Thị Tuyết L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/02/2015 tại UBND phường B, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp; Quá trình giải quyết vụ án, hòa giải và tại phiên tòa anh G và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ và đều đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện. Do đó, cần công nhận thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa anh G và chị L theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: anh Phạm Văn G và chị Đinh Thị Tuyết L đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quốc K, sinh ngày 01/11/2015 và Phạm Thị

Tường L, sinh ngày 02/7/2021, hiện các con đang sinh sống cùng chị L tại phòng số 2 Nhà công vụ sư đoàn 350, phố P, phường B, thành phố H, tỉnh Ninh Bình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh G và chị L đều đề nghị được nuôi cả hai con chung; anh G không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, chị L yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Xét việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn là trách nhiệm của cha, mẹ đối với con chung. Anh G và chị L đều đủ điều kiện và khả năng nuôi con chưa thành niên. Tuy nhiên đối với cháu Phạm Thị Tường L là con gái còn rất nhỏ mới 04 tuổi, cháu cháu Phạm Quốc K mới 09 tuổi nên các cháu chưa thể tự mình thực hiện việc sinh hoạt hàng ngày, sức khỏe, học tập mà luôn cần phải có người lớn bên cạnh thường xuyên lo toan, chăm sóc cho các cháu. Theo giấy xác nhận của Sư đoàn 350, Q thì công việc của anh G thuộc đơn vị chủ lực, sẵn sàng chiến đấu, hai tuần được tranh thủ 1 lần nên thời gian anh giành để chăm sóc con bị hạn chế, không thường xuyên theo dõi, quan tâm trực tiếp đến các cháu. Quá trình chung sống, phần lớn người dành thời gian bên cạnh, lo toan cho các cháu là chị L. Tại biên bản ghi ý kiến và đơn trình bày của cháu K, nguyện vọng của cháu K được ở với mẹ và em vì từ nhỏ cháu ở với mẹ và em, được mẹ chăm sóc dạy dỗ, bỏ đi công tác xa không có thời gian chăm lo cho các cháu. Như vậy, để tránh sự thay đổi về người nuôi con, môi trường sinh sống, học tập và tâm lý của các cháu. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận để chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Quốc K và Phạm Thị Tường L sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp nguyện vọng của cháu K trên 07 tuổi theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: trách nhiệm nuôi con chưa thành niên là của cả cha và mẹ, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Như vậy, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là một nghĩa vụ pháp lý mà cha mẹ bắt buộc phải làm đối với con chưa thành niên hoặc đã thành niên mà không có khả năng lao động. Việc chị L yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về mức cấp dưỡng: căn cứ khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP (có hiệu lực từ 01/7/2024) quy định: Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi

người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng. Anh G là sĩ quan quân đội có mức thu nhập ổn định là 25.389.000 đồng/ tháng. Do đó, anh G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L theo phương thức định kỳ hàng tháng là 4.000.000 đồng kể từ tháng 06/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

+Về tài sản, công nợ chung: tại phiên tòa các đương sự xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Phạm Văn G và chị Đinh Thị Tuyết L mỗi người phải chịu án phí thuận tình ly hôn 150.000 đồng.

- Anh Phạm Văn G phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 55, 57, 81,82,83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn G và chị Đinh Thị Tuyết L (quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: giao các con chung là Phạm Quốc K, sinh ngày 01/11/2015 và Phạm Thị Tường L, sinh ngày 02/7/2021 cho chị Đinh Thị Tuyết L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K và cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Phạm Văn G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Tường L theo phương thức định kỳ hàng tháng là 4.000.000^d (Bốn triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 06/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp anh Phạm Văn G chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì anh G phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: không có.

4. Về án phí:

- Anh Phạm Văn G phải chịu án phí thuận tình ly hôn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng anh G phải nộp là 450.000^d (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.300.000^d (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002360 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình. Anh G được hoàn lại số tiền $(14.300.000^d - 450.000^d) = 13.850.000^d$ (Mười ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai trên.

- Chị Đinh Thị Tuyết L phải chịu án phí thuận tình ly hôn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: anh G, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường B, TP. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý

Nguyễn Thị Dung

Nguyễn Ngọc Bình

